

Số: 16 /2023/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 19 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 3 -
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ
năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT, ngày 20 tháng 9 năm 2022 của
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số hoạt động về lâm
nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình
mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền
núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài
chính về quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục
tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 3 - Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang như sau:

1. Đối tượng được trợ cấp:

Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã, thị trấn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Khu vực III, II theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025) trên địa bàn tỉnh Hà Giang, có tham gia một trong các hoạt động sau: Trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất bằng cây lấy gỗ hoặc cây lâm sản ngoài gỗ có diện tích đất tối thiểu từ 0,3 ha tập trung trở lên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung; nhận khoán bảo vệ rừng; thực hiện bảo vệ rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên được nhà nước giao trong thời gian chưa tự túc được lương thực.

2. Mức trợ cấp: 15 kg gạo/khẩu/tháng, loại gạo tẻ thường (Số khẩu của hộ gia đình được hỗ trợ là những người cùng đăng ký thường trú hoặc cùng đăng ký tạm trú tại một chỗ ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về cư trú).

3. Hình thức trợ cấp: Trợ cấp bằng tiền mặt tương ứng với giá trị 15 kg gạo/khẩu/tháng tại thời điểm trợ cấp (theo thông báo giá hàng tháng của cơ quan chuyên môn trên địa bàn huyện).

4. Thời gian trợ cấp: Tối đa không quá 7 năm.

5. Thời gian chưa tự túc được lương thực:

Giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện hướng dẫn việc xác định thời gian chưa tự túc được lương thực.

6. Trường hợp các hộ gia đình được trợ cấp gạo từ nhiều chính sách khác nhau của nhà nước thì chỉ được nhận trợ cấp gạo từ một chính sách với định mức hỗ trợ cao nhất, không được nhận đồng thời các chính sách trợ cấp lương thực.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, các sở ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng. Đồng thời tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện tại cơ sở theo quy định.

b) Hàng năm căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân các huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được trợ cấp gạo, số khẩu, số lần trợ cấp, mức trợ cấp từng lần, thời gian trợ cấp gạo/năm cho các đối tượng được hỗ trợ.

2. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1, dự án 3 - Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Phối hợp với các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng hướng dẫn và tổ chức kiểm tra việc thực hiện việc trợ cấp gạo.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các huyện trong việc rà soát, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình theo quy định.

4. Ban Dân tộc tỉnh: Chủ trì thống nhất với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, hàng năm tham mưu phân bổ nguồn vốn cho các huyện theo nguyên tắc, tiêu chí phân bổ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân các huyện:

a) Căn cứ quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Quyết định này, chỉ đạo cơ quan chuyên môn cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách đối tượng được trợ cấp gạo theo quy định. Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 31 tháng 10 hằng năm.

b) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch công bố giá gạo tẻ thường hàng tháng trên địa bàn làm căn cứ xác định kinh phí trợ cấp gạo.

c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc cấp huyện quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện việc chi trả chế độ trợ cấp gạo theo đúng đối tượng và định mức hiện hành. Thực hiện công khai danh sách các hộ gia đình thuộc đối tượng hưởng chính sách trợ cấp gạo theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2023. Thay thế nội dung có liên quan tại Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành định mức về giống, mức hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2020.

2. Những nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, KTTH. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

